

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ N
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 28/08/2024
V/v: *Ly hôn*.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ N, TỈNH NINH BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Bình.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Hoàng Thị Kim Phượng
2. Bà Phạm Thị Ngọc Nga.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Giang - Thư ký, Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố N, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Đào - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 08 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 19/2024/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 03 năm 2024 về việc “*Ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 07 năm 2024 và quyết định hoãn phiên tòa số 10/2024/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 08 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thu T, sinh năm 1985; địa chỉ: số 01, ngõ 30, đường C, phố 5, phường Đ, thành phố N, tỉnh Ninh Bình.

- Bị đơn: Anh Đinh Thế H, sinh năm 1981; địa chỉ: phố V, phường T, thành phố N, tỉnh Ninh Bình.

Tại phiên tòa: Chị T, anh H vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu T trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Đinh Thế H tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn; đăng ký kết hôn vào ngày 17/10/2001 tại UBND phường T, thành phố N, tỉnh Ninh Bình. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị chung sống hạnh phúc khoảng 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã, không giải quyết được. Nguyên nhân mâu thuẫn, do anh H nghiện ma túy không có trách nhiệm với gia đình. Trước đây anh H đã bị Tòa án xử phạt về hành vi mua bán ma túy, sau khi chấp hành xong hình phạt anh H không sửa đổi vẫn tiếp tục sử dụng ma túy, tháng 09 năm 2023 anh H bị đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc. Chị T xác

định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng không thể khắc phục được, nên đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn với anh H.

Về con chung: chị và anh H có 02 con chung là cháu Đình Tiến Đ, sinh ngày 03/09/2002 và cháu Đình Tiến M, sinh ngày 24/06/2005. Hiện các cháu đã trên 18 tuổi nên không đề nghị giải quyết.

Về tài sản, công nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

- Quá trình giải quyết vụ án: do anh Đình Thế H đang cai nghiện bắt buộc tại cơ sở cai nghiện từ ngày 29/09/2023 theo quyết định số 20/2023/QĐ-TA ngày 22/09/2023 của Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Ninh Bình. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án; thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng anh H không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố N có quan điểm:

- Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS;

- Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của BLTTDS. Bị đơn không nhận các văn bản Tòa án giao, không có ý kiến về yêu cầu khởi kiện là không thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của BLTTDS.

- Về việc giải quyết vụ án: đề nghị Áp dụng Điều 56; 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 điều 39; Điều 147, điều 228 BLTTDS năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH, đề nghị HĐXX xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thu T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Thu T được ly hôn với anh Đình Thế H.

2. Về án phí ly hôn: chị Nguyễn Thị Thu T phải chịu án phí ly hôn 300.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố N theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000221 ngày 12/3/2024.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về áp dụng pháp luật tố tụng:

- Quan hệ pháp luật và thẩm quyền quyền giải quyết vụ án: vụ án Ly hôn; bị đơn anh Đình Thế H có nơi ĐKKHTT: phố V, phường T, thành phố N, tỉnh Ninh Bình; do đó, Tòa án nhân dân thành phố N thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Về sự vắng mặt của đương sự: Chị T là nguyên đơn vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Anh H là bị đơn vắng mặt do đang cai nghiện bắt buộc tại Cơ sở

cai nghiện ma túy tỉnh Ninh Bình, xã Đông Sơn, thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình. Vì vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2]. Về áp dụng pháp luật nội dung:

- Về hôn nhân: chị Nguyễn Thị Thu T và anh Đinh Thế H được tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 17/10/2001 tại UBND phường T, thành phố N, tỉnh Ninh Bình, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

- Về yêu cầu khởi kiện:

+ Về quan hệ hôn nhân: Sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc được khoảng 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn theo chị T trình bày là do anh H nghiện ma túy, không có trách nhiệm với gia đình. Ngày 22/9/2023 anh H bị Tòa án nhân dân thành phố N quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thời hạn 24 tháng, hiện đang cai nghiện bắt buộc tại Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Ninh Bình ở xã Đông Sơn, thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình. Quá trình giải quyết vụ án chị T xác định không còn tình cảm với anh H và xin ly hôn, anh H không có ý kiến gì, không nhận các văn bản do Tòa án tổng đạt, chứng tỏ anh H cũng không có ý thức hàn gắn quan hệ hôn nhân với chị T.

Quá trình xác minh thu thập chứng cứ tại địa phương thể hiện anh H nghiện ma túy từ lâu và thường xuyên tụ tập bạn bè tại nhà gây mất trật tự khu phố, hiện anh H đang cai nghiện bắt buộc tại cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Ninh Bình.

Như vậy, có thể khẳng định tình cảm vợ chồng giữa hai người không còn, quan hệ hôn nhân chỉ là hình thức, mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T là phù hợp với thực trạng diễn biến quan hệ hôn nhân giữa chị T với anh H và phù hợp với pháp luật được quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

+ Về con chung: chị T và anh H có 02 con chung là cháu Đinh Tiến Đ, sinh ngày 03/09/2002 và cháu Đinh Tiến M, sinh ngày 24/06/2005. Hiện các cháu đã trên 18 tuổi chị T không đề nghị giải quyết là đúng quy định.

+ Về tài sản, công nợ chung: chị T xác định không có và không yêu cầu giải quyết, quá trình Tòa án giải quyết anh H không có ý kiến gì về tài sản, công nợ chung. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3]. Về án phí: chị Nguyễn Thị Thu T phải chịu án phí đối với vụ án Hôn nhân và gia đình theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; các Điều 56, 57 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thu T đối với anh Đinh Thế H

1. Về hôn nhân: cho chị Nguyễn Thị Thu T ly hôn anh Đinh Thế H (quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh H chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật).

2. Về con chung: không giải quyết.

3. Về tài sản chung, công nợ chung: không giải quyết.

4. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: chị Nguyễn Thị Thu T phải nộp 300.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000221 ngày 12/03/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố N, tỉnh Ninh Bình.

5. Quyền kháng cáo: Chị T, anh H vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi gửi:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND thành phố N;
- Chi cục THADS thành phố N;
- UBND phường T, TPNB;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Ngọc Bình